



Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Confederation

Federal Department of Economic Affairs FDEA
State Secretariat for Economic Affairs SECO



TÀI LIỆU
HƯỚNG DẪN
ĐĂNG KÝ
DOANH NGHIỆP

LOẠI HÌNH:

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN



LỜI NÓI ĐẦU

“THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LÀ QUYỀN CỦA CÁ NHÂN, TỔ CHỨC VÀ ĐƯỢC NHÀ NƯỚC BẢO HỘ”.

Trong khuôn khổ hoạt động của Dự án “Mở rộng các loại hình doanh nghiệp đăng ký trên Hệ thống Thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia” được tài trợ bởi Cục Hợp tác kinh tế Liên bang Thụy Sĩ (SECO) và Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO), trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành, Cục Quản lý Đăng ký kinh doanh – Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tiến hành biên soạn Bộ tài liệu “Hướng dẫn đăng ký doanh nghiệp” nhằm mục đích hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong quá trình tìm hiểu về các loại hình doanh nghiệp và chuẩn bị hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cho việc đăng ký thành lập mới doanh nghiệp.

Với ý nghĩa đó, Bộ tài liệu được xây dựng thành 04 quyển, dành riêng cho từng loại hình doanh nghiệp, bao gồm: Quyển 1 – Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Quyển 2 – Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, Quyển 3 – Công ty cổ phần, Quyển 4 – Doanh nghiệp tư nhân. Đây là một tài liệu mang tính chất tham khảo, không phải là văn bản pháp lý.

Chúng tôi hy vọng rằng Bộ tài liệu sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho những doanh nhân tiềm năng trước khi khởi đầu công việc kinh doanh hay các cá nhân, tổ chức khác có nhu cầu tham khảo.

Nhân đây, chúng tôi xin trân trọng cảm ơn Cục Hợp tác kinh tế Liên bang Thụy Sĩ, Tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc đã có những hỗ trợ hết sức thiết thực vì sự phát triển của lĩnh vực đăng ký kinh doanh ở Việt Nam nói riêng, khu vực kinh tế tư nhân của Việt Nam nói chung.

Cuối cùng, chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý chân thành của Quý độc giả để Bộ tài liệu này được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản tiếp theo.

Xin trân trọng cảm ơn!



MỤC LỤC

1.	Những thông tin cơ bản cần tìm hiểu trước khi thành lập doanh nghiệp?	5
2.	Công ty TNHH một thành viên được hiểu như thế nào?	5
3.	Tại sao lựa chọn loại hình doanh nghiệp là Công ty TNHH một thành viên?	5
4.	Mô hình cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty TNHH một thành viên	6
5.	Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc, Kiểm soát viên	7
6.	Quyền của chủ sở hữu Công ty TNHH một thành viên	8
7.	Nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty TNHH một thành viên	9
8.	Vốn điều lệ trong Công ty TNHH một thành viên	10
9.	Thay đổi vốn điều lệ trong Công ty TNHH một thành viên	10
10.	Các trường hợp đặc biệt trong thực hiện quyền chủ sở hữu	11
11.	Phân biệt Công ty TNHH một thành viên và Doanh nghiệp tư nhân như thế nào?	11
12.	Đặt tên doanh nghiệp như thế nào cho đúng với quy định của pháp luật?	12
13.	Như thế nào được gọi là tên trùng, tên gây nhầm lẫn?	13
14.	Những điều cần biết về quy định đối với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp	14
15.	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập Công ty TNHH một thành viên	15
16.	Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký thành lập đơn vị phụ thuộc	17
17.	Các nghĩa vụ của doanh nghiệp	18
18.	Cơ chế liên thông thủ tục đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư?	19
19.	Một số văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh?	19



DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Công ty trách nhiệm hữu hạn	Công ty TNHH
Đăng ký kinh doanh	ĐKKD
Đăng ký doanh nghiệp	ĐKDN
Đăng ký đầu tư	ĐKĐT

01. NHỮNG THÔNG TIN CƠ BẢN CẦN TÌM HIỂU TRƯỚC KHI THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP?



Thành lập doanh nghiệp là bước khởi đầu, tạo lập công cụ để thực hiện một ý tưởng kinh doanh. Để đảm bảo doanh nghiệp của bạn sẽ là một công cụ kinh doanh hiệu quả và an toàn, trước tiên, bạn cần lưu ý tìm hiểu những thông tin cơ bản sau:

- Loại hình doanh nghiệp nào là phù hợp?
- Lựa chọn mô hình tổ chức quản lý nào?
- Lựa chọn tên doanh nghiệp như thế nào?
- Quy trình đăng ký thành lập doanh nghiệp ra sao?

Bộ tài liệu hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp sẽ giúp bạn trả lời những câu hỏi trên. Ngoài ra, bạn có thể truy cập, tham khảo thêm thông tin về đăng ký doanh nghiệp trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ: <http://www.dangkykinhdoanh.gov.vn>.

Riêng cuốn tài liệu bạn đang có trên tay sẽ cung cấp cho bạn những thông tin cần thiết về loại hình Công ty TNHH một thành viên.

02. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐƯỢC HIỂU NHƯ THẾ NÀO?



Công ty TNHH một thành viên là một loại hình doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và có các đặc điểm cơ bản sau:

- Chủ sở hữu công ty là một tổ chức hoặc cá nhân;
- Tài sản chủ sở hữu tách biệt với tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty;
- Công ty TNHH một thành viên không được quyền phát hành cổ phần;
- Vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên tại thời điểm ĐKDN là tổng giá trị tài sản do chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty;

03. TẠI SAO LỰA CHỌN LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP LÀ CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN?



So với các loại hình khác, công ty TNHH một thành viên có những ưu điểm như sau:

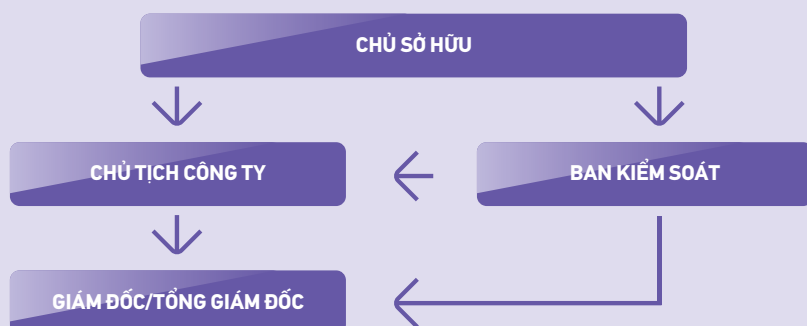
- Công ty TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân;
- Tài sản của chủ sở hữu công ty tách biệt rõ ràng với tài sản công ty;
- Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm hữu hạn tương ứng với phần vốn góp của mình;
- Chủ sở hữu có quyền quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế và các nghĩa vụ tài chính khác;
- Chủ sở hữu có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- Chủ sở hữu có quyền thu hồi lại toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

04. MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

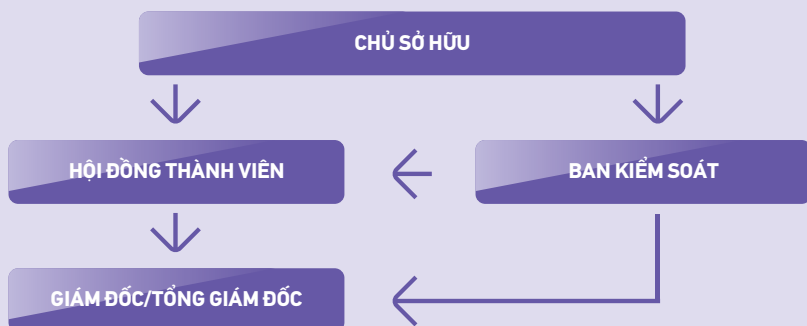


Trường hợp chủ sở hữu là tổ chức, Công ty TNHH một thành viên có quyền lựa chọn tổ chức quản lý và hoạt động theo một trong hai mô hình sau:

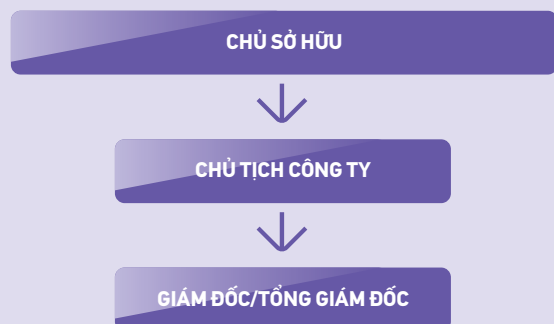
a. Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc và Kiểm soát viên:



b. Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.



Trường hợp chủ sở hữu là cá nhân, cơ cấu tổ chức công ty gồm Chủ tịch công ty, Giám đốc/Tổng giám đốc



05. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, CHỦ TỊCH CÔNG TY, GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC, KIỂM SOÁT VIÊN



- **HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN:** Hội đồng thành viên do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, có từ 03-07 thành viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu và công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ tương ứng. Do đó, Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- **CHỦ TỊCH CÔNG TY:** Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu bổ nhiệm. Tương tự như Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu và công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ tương ứng. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- **GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC:** Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê Giám đốc hoặc Tổng giám đốc với nhiệm kỳ không quá 05 năm để điều hành hoạt động của công ty. Giám đốc/Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên khác của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty có thể kiêm Giám đốc/Tổng giám đốc.

MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC

- Tổ chức thực hiện quyết định của Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty
- Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty, bao gồm: ban hành quy chế quản lý nội bộ, tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh, đầu tư của công ty, bổ nhiệm, bãi nhiệm các vị trí quản lý (trừ đối tượng thuộc thẩm quyền Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty), ký kết hợp đồng, kiến nghị cơ cấu tổ chức công ty, trình Quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty, kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh, tuyển dụng lao động...
- Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc/Tổng giám đốc ký với Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty.

- **KIỂM SOÁT VIÊN:** Chủ sở hữu công ty quyết định số lượng Kiểm soát viên, bổ nhiệm Kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá 05 năm và thành lập Ban kiểm soát. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA KIỂM SOÁT VIÊN

- Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, căn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;
- Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;
- Kiến nghị Chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;
- Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;
- Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ công ty hoặc theo yêu cầu, quyết định của chủ sở hữu công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, CHỦ TỊCH CÔNG TY, GIÁM ĐỐC/TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

- Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;
- Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ sở hữu hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

06. QUYỀN CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



CHỦ SỞ HỮU LÀ TỔ CHỨC

1. Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty;
4. Quyết định dự án đầu tư phát triển;
5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;
7. Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty hoặc một tỷ lệ hoặc giá trị khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty;
8. Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
9. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
11. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
12. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
14. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

CHỦ SỞ HỮU LÀ CÁ NHÂN

1. Quyết định, nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
2. Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
3. Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
4. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
5. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
6. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
7. Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

07. NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



Chủ sở hữu Công ty TNHH một thành viên có những nghĩa vụ chính sau:

- Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ của công ty;
- Tuân thủ Điều lệ của công ty;
- Xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty;
- Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty;
- Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

08. VỐN ĐIỀU LỆ TRONG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



Vốn điều lệ trong Công ty TNHH một thành viên là tổng giá trị tài sản do Chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty. Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đã thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp không góp đủ vốn như đã cam kết, Chủ sở hữu phải tiến hành đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn. Với những nghĩa vụ tài chính phát sinh trong thời gian trước khi đăng ký thay đổi, Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết.

Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty, thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ, không góp đúng hạn vốn điều lệ.

09. THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ TRONG CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



Công ty TNHH một thành viên thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp:

- Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ sau khi đã hoạt động kinh doanh trong 02 năm kể từ ngày ĐKDN và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu.
- Vốn điều lệ không được Chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn.
- Chủ sở hữu đầu tư thêm
- Chủ sở hữu huy động thêm vốn góp của người khác. Trong trường hợp này, công ty phải tổ chức quản lý theo mô hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc Công ty cổ phần.



LƯU Ý: Trong trường hợp thay đổi vốn điều lệ, doanh nghiệp phải thông báo thay đổi nội dung ĐKDN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có sự thay đổi.

10. CÁC TRƯỜNG HỢP ĐẶC BIỆT TRONG THỰC HIỆN QUYỀN CHỦ SỞ HỮU



- Trường hợp Chủ sở hữu chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân hoặc công ty có thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức theo loại hình Công ty TNHH hai thành viên trở lên hoặc Công ty cổ phần.
- Trường hợp Chủ sở hữu là cá nhân bị kết án tù, bị tạm giam hoặc bị Tòa tuyên tước hành nghề, cá nhân đó ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty.
- Trường hợp Chủ sở hữu là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu hoặc thành viên của công ty. Trường hợp không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
- Trường hợp Chủ sở hữu là cá nhân bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu được thực hiện thông qua người giám hộ.
- Trường hợp Chủ sở hữu là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng vốn góp của Chủ sở hữu sẽ trở thành Chủ sở hữu hoặc thành viên công ty.

11. PHÂN BIỆT CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN VÀ DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN NHƯ THẾ NÀO?



	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN	DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
ĐIỂM KHÁC BIỆT	Có tư cách pháp nhân	Không có tư cách pháp nhân
	Tài sản của chủ sở hữu tách biệt với tài sản của công ty	Tài sản của chủ sở hữu không tách biệt với tài sản của doanh nghiệp
	Chủ sở hữu chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp <i>trong phạm vi số vốn cam kết góp</i> vào doanh nghiệp	Chủ doanh nghiệp tư nhân tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi hoạt động của doanh nghiệp
	Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty (<i>trường hợp Điều lệ không quy định khác</i>)	Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân đồng thời là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp
	Chủ sở hữu công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác	Chủ doanh nghiệp tư nhân có quyền bán, cho thuê toàn bộ doanh nghiệp của mình

12. ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP NHƯ THẾ NÀO CHO ĐÚNG VỚI QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT?

BRAND
NAME

QUY TẮC ĐẶT TÊN:

Tên doanh nghiệp = “Công ty TNHH” + “Tên riêng của doanh nghiệp”

Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

Vi dụ: Có thể đặt tên doanh nghiệp như sau: “Công ty TNHH Thương mại Ngân Hà”, “Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Cơ khí Z80”.

TÊN DOANH NGHIỆP BẰNG TIẾNG NƯỚC NGOÀI VÀ TÊN VIẾT TẮT:

- Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài được dịch từ tên tiếng Việt tương ứng
- Tên riêng của doanh nghiệp có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài

Vi dụ: “Công ty TNHH nhựa Bình Minh” có thể sử dụng tên tiếng Anh là: “Bình Minh Plastic One-member Limited Liability Company” hoặc “Bình Minh Plastic One-member Co., Ltd.”.

- Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp được in hoặc viết với khổ chữ nhỏ hơn tên tiếng Việt của doanh nghiệp tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp hoặc trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành
- Tên viết tắt của doanh nghiệp được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên viết bằng tiếng nước ngoài.

CÁC YÊU CẦU LIÊN QUAN ĐẾN TÊN DOANH NGHIỆP:

- Tên doanh nghiệp phải được gắn tại trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.
- Tên doanh nghiệp phải được in hoặc viết trên các giấy tờ giao dịch, hồ sơ tài liệu và ấn phẩm do doanh nghiệp phát hành

NHỮNG ĐIỀU CẤM TRONG ĐẶT TÊN DOANH NGHIỆP:

- Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký
- Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang nhân dân, tên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó
- Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc



LƯU Ý: Cơ quan ĐKKD có quyền quyết định chấp thuận hoặc từ chối tên dự kiến đăng ký của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và quyết định của cơ quan ĐKKD là quyết định cuối cùng.

13. NHƯ THẾ NÀO ĐƯỢC GỌI LÀ TÊN TRÙNG, TÊN GÂY NHẦM LẪN?



- Tên trùng là tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được viết hoàn toàn giống với tên tiếng Việt của doanh nghiệp đã đăng ký.
- Các trường hợp sau đây được coi là tên gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký:
 - Tên tiếng Việt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký được đọc giống như tên doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên viết tắt của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên viết tắt của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đề nghị đăng ký trùng với tên bằng tiếng nước ngoài của doanh nghiệp đã đăng ký;
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi một số tự nhiên, số thứ tự hoặc các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt và các chữ cái F, J, Z, W ngay sau tên riêng của doanh nghiệp đó (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi ký hiệu “&”, “.”, “+”, “-”, “_” (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “tân” ngay trước hoặc “mới” ngay sau hoặc trước tên riêng của doanh nghiệp đã đăng ký (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng của doanh nghiệp đề nghị đăng ký chỉ khác với tên riêng của doanh nghiệp cùng loại đã đăng ký bởi từ “miền Bắc”, “miền Nam”, “miền Trung”, “miền Tây”, “miền Đông” hoặc từ có ý nghĩa tương tự (trừ trường hợp là công ty con của công ty đã đăng ký);
 - Tên riêng của doanh nghiệp trùng với tên của doanh nghiệp đã đăng ký.

14. NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP



NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- Doanh nghiệp được quyền kinh doanh tất cả những ngành, nghề mà pháp luật không cấm
- Doanh nghiệp có nghĩa vụ đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
- Doanh nghiệp được quyền kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện kể từ khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động.
- Các hành vi bị nghiêm cấm: kinh doanh các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động.

GHI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

- Trên Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không ghi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp
- Khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, khi thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh hoặc khi đề nghị cấp đổi sang Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, người thành lập hoặc doanh nghiệp lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị đăng ký doanh nghiệp, Thông báo thay đổi nội dung ĐKDN hoặc giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- Cơ quan ĐKKD hướng dẫn, đối chiếu và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN.
- Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký ngành, nghề kinh doanh chi tiết hơn ngành kinh tế cấp bốn thì doanh nghiệp lựa chọn một ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam, sau đó ghi chi tiết ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp ngay dưới ngành cấp bốn nhưng phải đảm bảo ngành, nghề kinh doanh chi tiết của doanh nghiệp phù hợp với ngành cấp bốn đã chọn. Trong trường hợp này, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp là ngành, nghề kinh doanh chi tiết doanh nghiệp đã ghi.



NÊN

Lựa chọn đăng ký những ngành, nghề mà doanh nghiệp sẽ hoạt động



KHÔNG NÊN

Đăng ký quá nhiều ngành, nghề kinh doanh so với thực tế hoạt động sẽ dễ gây hiểu nhầm và làm giảm mức độ tin tưởng của đối tác, khách hàng về thế mạnh, lĩnh vực kinh doanh chính của công ty bạn.

15. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



CHUẨN BỊ HỒ SƠ

1. Giấy Đề nghị đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên;
2. Điều lệ công ty;
3. Danh sách người đại diện theo ủy quyền (trường hợp nhiều hơn một người đại diện) và bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của từng người đại diện theo ủy quyền;
4. Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân của chủ sở hữu trong trường hợp chủ sở hữu là cá nhân;
5. Quyết định thành lập hoặc Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy Chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương khác, Điều lệ hoặc tài liệu tương đương khác của chủ sở hữu công ty đối với trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (trừ trường hợp chủ sở hữu công ty là Nhà nước);
6. Văn bản ủy quyền của chủ sở hữu cho người được ủy quyền đối với trường hợp chủ sở hữu là tổ chức.

CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

Người thành lập doanh nghiệp có thể lựa chọn một trong hai phương thức nộp hồ sơ sau:

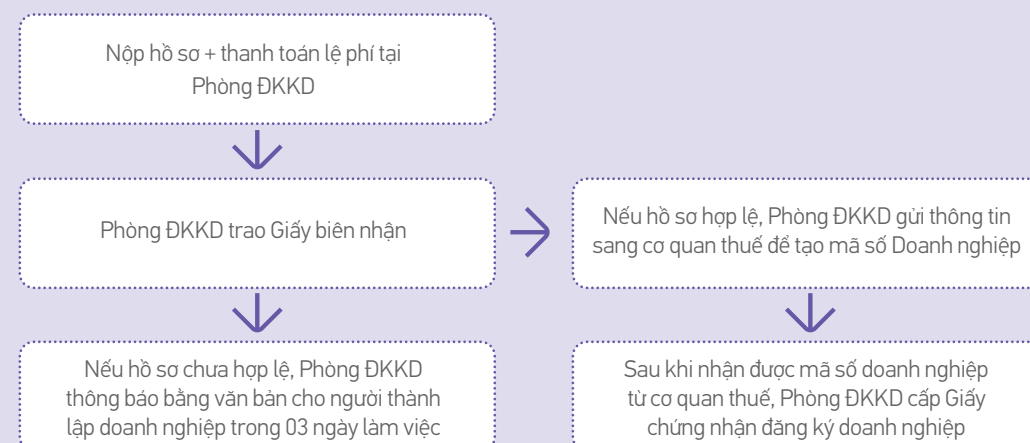
1. Nộp hồ sơ ĐKDN và lệ phí trực tiếp tại Phòng ĐKKD
2. Nộp hồ sơ ĐKDN và lệ phí qua mạng điện tử (sử dụng chữ ký số hoặc Tài khoản ĐKKD) theo quy trình trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

CÁC GIẤY TỜ CHỨNG THỰC CÁ NHÂN BAO GỒM:

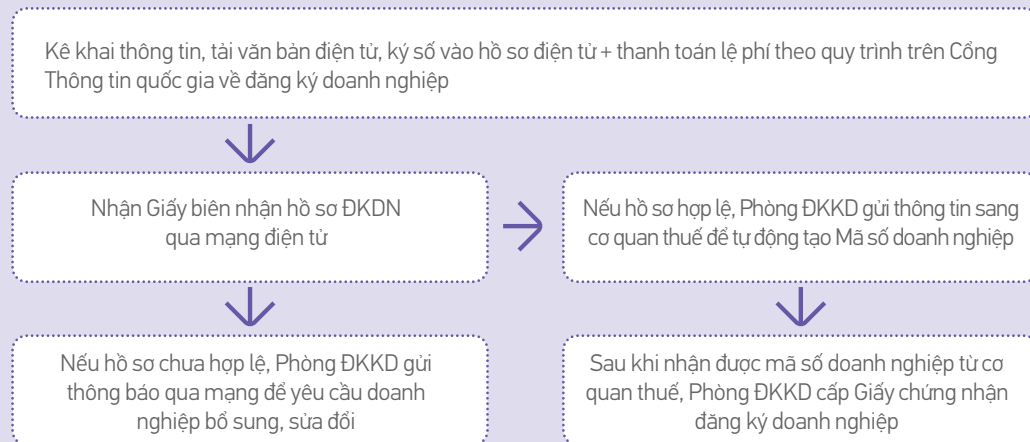
- **Đối với công dân Việt Nam:** Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực.
- **Đối với người nước ngoài:** Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực.

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN

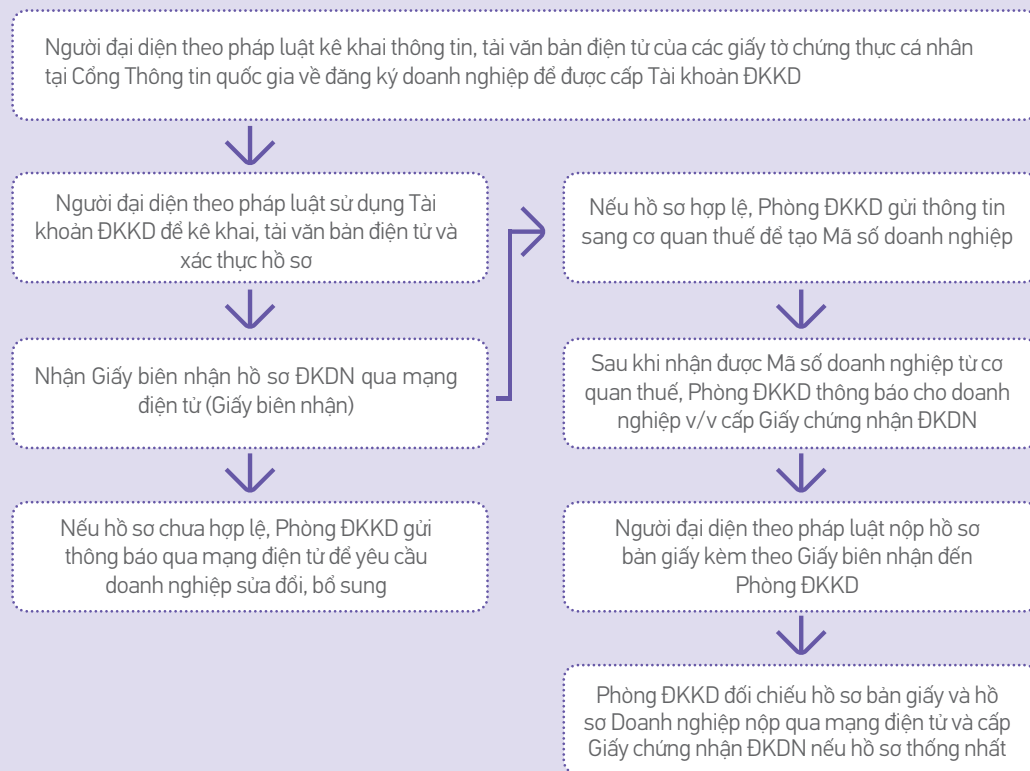
1. NẾU NỘP HỒ SƠ TRỰC TIẾP TẠI PHÒNG ĐKKD:



2. NẾU NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG CHỮ KÝ SỐ:



3. NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG ĐIỆN TỬ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN ĐKKD:



LƯU Ý:

- Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử hợp lệ được quy định tại Điều 36 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về ĐKDN
- Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng ĐKKD không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực
- Nếu bộ hồ sơ nộp bằng bản giấy không chính xác so với bộ hồ sơ được gửi qua mạng điện tử mà người nộp hồ sơ không thông báo với Phòng ĐKKD tại thời điểm nộp hồ sơ bằng bản giấy thì được coi là giả mạo hồ sơ và sẽ bị xử lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 63 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP.
- Quy trình đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử ở trên cũng áp dụng đối với việc đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Doanh nghiệp sau khi được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, phải thông báo công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo trình tự, thủ tục và phải trả phí theo quy định. Nội dung công bố bao gồm các nội dung Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các thông tin về ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp.

Trường hợp thay đổi nội dung ĐKDN, những thay đổi tương ứng phải được thông báo công khai trên Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Thời hạn thông báo công khai các thông tin về doanh nghiệp nêu trên là 30 ngày, kể từ ngày được công khai.

PHÍ, LỆ PHÍ

Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 200.000đ; Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 300.000đ.

16. HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC



Doanh nghiệp có quyền lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài. Doanh nghiệp có thể đặt một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới hành chính.

CHUẨN BỊ HỒ SƠ

- Thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện;
- Bản sao quyết định thành lập hoặc bản sao biên bản họp về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp;
- Bản sao Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.
- Bản sao hợp lệ quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện

CÁCH THỨC NỘP HỒ SƠ

Chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện và nộp lệ phí tại cơ quan ĐKKD hoặc qua mạng điện tử (sử dụng chữ ký số hoặc Tài khoản ĐKKD).



LƯU Ý: Trường hợp doanh nghiệp lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài thì thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày chính thức mở chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp phải gửi Thông báo về việc lập chi nhánh/văn phòng đại diện ở nước ngoài đến Phòng ĐKKD nơi doanh nghiệp đã đăng ký (Phụ lục II-12, Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT). Kèm theo Thông báo phải có bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện hoặc giấy tờ tương đương để bổ sung thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về ĐKDN.

LỆ PHÍ

Lệ phí đăng ký hoạt động chi nhánh/VPĐD, địa điểm kinh doanh: 100.000đ

17. CÁC NGHĨA VỤ CỦA DOANH NGHIỆP



Để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong suốt vòng đời hoạt động, doanh nghiệp cần lưu ý thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ sau:

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.
3. Kế khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.
6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.
7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh.
9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

18. CƠ CHẾ LIÊN THÔNG THỦ TỤC ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ?



Theo quy định tại Điều 24 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP, nhà đầu tư nước ngoài có quyền thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp và đăng ký đầu tư tại một đầu mối theo trình tự sau:

1. Nhà đầu tư nộp hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký doanh nghiệp tại cơ quan đăng ký đầu tư.
2. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký đầu tư gửi hồ sơ đăng ký doanh nghiệp cho cơ quan đăng ký kinh doanh.
3. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và thông báo ý kiến cho cơ quan đăng ký đầu tư.
4. Trong trường hợp có yêu cầu điều chỉnh hoặc bổ sung hồ sơ đăng ký đầu tư hoặc hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, cơ quan đăng ký đầu tư thông báo 01 lần về toàn bộ nội dung không hợp lệ cho nhà đầu tư trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.
5. Căn cứ hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đã tiếp nhận, cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm phối hợp xử lý hồ sơ và trả kết quả cho nhà đầu tư tại cơ quan đăng ký đầu tư.

19. MỘT SỐ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐIỀU CHỈNH/LIÊN QUAN ĐẾN LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ KINH DOANH?



Để thành lập và vận hành doanh nghiệp đúng quy định của pháp luật, người thành lập doanh nghiệp cần tìm hiểu một số văn bản quy phạm pháp luật chính điều chỉnh/liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh sau:

- Luật Doanh nghiệp 2014
- Luật Đầu tư 2014
- Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp
- Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/02/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và Hệ thống thông tin thuế.

DỰ ÁN MỞ RỘNG CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP ĐĂNG KÝ
TRÊN HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP QUỐC GIA

Địa chỉ: 6B Hoàng Diệu, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 043 848 9912